

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh.

Bà Phạm Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1978.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại đảo Síp.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh và chị Vũ Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/12/2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên khi sống cùng nhau không có tình cảm và không có hạnh phúc. Do vậy, anh thường xuyên đi làm vắng nhà, vợ chồng không quan tâm đến nhau, mỗi khi nói chuyện lại xảy ra xô xát, bất đồng và đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2014, chị L tự ý bỏ đi xuất khẩu lao động không nói cho anh biết, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có biện pháp hàn gắn, tháo gỡ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Vân Nh, sinh ngày 17/9/2002 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/10/2007, hiện các con đang ở với anh và ông bà nội. Con Nguyễn Thị Vân Nh đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng A cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Anh, chị không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Vũ Thị M (là em dâu chị L) trình bày: Chị không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị L vẫn thỉnh thoảng liên lạc về cho gia đình qua điện thoại, gia đình chị có bố chồng là ông Vũ Văn Liên (đã chết), mẹ chồng là bà Phạm Thị A1 hiện đang ở Thái Nguyên, chồng chị cũng đang đi làm ăn, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên mẹ chồng và chồng chị không thể về nhà được, anh chị em trong gia đình đều đã đi xây dựng gia đình mỗi người ở một nơi. Chị đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị L biết. Thông qua gia đình, chị L trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th không chung thủy với chị, không quan tâm đến gia đình vợ con. Từ năm 2014 khi chị đi lao động tại đảo Síp, anh chị không liên lạc chia sẻ với nhau. Nay anh Th có đơn xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Chị xác định vợ chồng có hai con chung như anh Th trình bày là đúng, các con có nguyện vọng ở với ai chị cũng nhất trí và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời chị đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Th, chị L đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L nghi ngờ anh Th không chung thủy với chị, từ đó vợ chồng hay xảy ra xích mích, bất hòa và không quan tâm đến nhau, anh Th hay đi làm vắng nhà không có trách nhiệm với vợ con. Kể từ năm 2014 chị L đi lao động ở nước ngoài đến nay chưa về nước, vợ chồng sống xa cách đã lâu, tình cảm có nhiều dạn nứt. Anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của anh Th và chị L là Nguyễn Hoàng A có nguyện vọng được ở với chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Nguyễn Văn Th ly hôn chị Vũ Thị L. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng A cho anh Th nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Th phải chịu 300.000đ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Vũ Thị L có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn Đ, xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương, hiện chị L đang lao động tại đảo Síp. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L ở đảo Síp. Tòa án đã đề nghị gia đình chị L cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình chị L và gia đình đã thông báo cho chị L biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Th và chị L. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/12/2001 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi khi nói chuyện lại xảy ra xô xát, bất đồng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Năm 2014, chị L đi xuất khẩu lao động nhưng vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau, anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Thông qua gia đình, chị L thông tin cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Th ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Anh Th, chị L có hai con chung là Nguyễn Thị Vân Nh, sinh ngày 17/9/2002 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/10/2007, hiện các con đang ở với anh Th. Con Nguyễn Thị Vân Nh đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Th đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng A cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Con Nguyễn Hoàng A có nguyện vọng được ở với chị L, tuy nhiên hiện tại chị L đang lao động ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, để đảm bảo về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao con chung Nguyễn Hoàng A cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng anh Th không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị L có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th, chị L cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Th ly hôn chị Vũ Thị L.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/10/2007 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th tạm thời không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0007325 ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Vũ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)